

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/ DS -ST
Ngày: 29/7/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quang Huân và bà Nguyễn Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: ông Bùi Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên tòa: ông Ngô Duy Long - Kiểm sát viên

Ngày 29/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2025/TLST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn X, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Khu A, xã L, (Khu A, thị trấn H, huyện L cũ), tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu F, xã L, (khu F, thị trấn H, huyện L, cũ), tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Dương Văn X trình bày:

Ngày 07/7/2019, ông Dương Văn X cho bà Nguyễn Thị C vay số tiền là 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng). Khi vay bà C có giao cho ông X 01 bản phô tô giấy chứng minh để làm tin (tín chấp) và có viết giấy cam kết vay tiền cho ông X, có ký nhận đầy đủ. Về lãi suất: hai bên đã thỏa thuận lãi 2%/ tháng. Bà C đã trả lãi hàng tháng kể từ tháng 8/2019 đến hết năm 2020 thì bà C không trả lãi nữa. Kể từ đó đến nay, bà C không trả được đồng lãi và đồng gốc nào.

Nay ông X đề nghị bà C trả cho ông số tiền nợ gốc là 95.000.000đ và lãi là 85.000.000đ (lãi là 20%/năm tương đương 1,66%/tháng) kể từ năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa, ông đề nghị bà C trả lãi cho ông đến hết ngày mở phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị C (bị đơn) trình bày:

Tháng 7/2019, do bà C gặp khó khăn, bệnh tật nên bà C có vay của ông Dương Văn X số tiền là 95.000.000đ. Khi vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 3.000đ/01 triệu/ ngày. Vì bà gặp rất nhiều khó khăn nên bà có xin ông X cho bà C được trả tiền gốc, còn tiền lãi cho bà xin nên ông X có đồng ý. Bà C đã trả dần hàng tháng cho ông X, có ghi sổ sách về việc trả nợ. Bà C đã trả được cho ông X tổng số tiền là 125.000.000đ. Nay ông X khởi kiện đòi nợ, bà có quan điểm như sau:

Về nợ lãi: bà C đã xin ông X nhiều lần, nếu ông X không nhất trí, bà C xác định bà đã trả cho ông X 125.000.000đ là tiền lãi hàng tháng nên nay bà không đồng ý trả lãi nữa.

Về nợ gốc: Hoàn cảnh của bà C hiện nay rất khó khăn, bà không có khả năng trả nợ ngay cho ông X nên bà C đề nghị được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ. Khi nào các con bà học xong ra trường có thể hỗ trợ thì bà sẽ trả thêm sau.

Tại phiên tòa, bà C xác định nếu ông X tính lãi, bà đề nghị tính trừ lãi số tiền bà đã trả, còn lại trừ vào tiền gốc và bà xin được trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463; 465; Điều 466; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 15, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn X yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả khoản nợ.

+ Buộc bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ trả cho ông Dương Văn X số tiền nợ gốc là 95.000.000đ; Do các bên có tranh chấp về mức lãi xuất, đề nghị buộc bà C phải trả tiền lãi của khoản vay từ tháng 01/01/2021 đến ngày 29/7/2025 với lãi suất là 10%/ năm.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông X về phần yêu cầu bà C trả tiền lãi vượt quá 10%/ năm do các bên có tranh chấp về lãi suất.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật; Miễn cho ông X án phí dân sự đối với phần yêu cầu khởi kiện đề nghị trả lãi khoản vay không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Về quan hệ tranh chấp: Ông Dương Văn X khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả số tiền nợ đã vay của ông X là 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là Khu F, xã L, tỉnh Phú Thọ); căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ (Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao cũ trước sáp nhập).

[2]. Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của ông Dương Văn X yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả nợ khoản tiền vay 95.000.000đ nợ gốc và lãi phát sinh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về khoản tiền vay gốc: Ông Dương Văn X và bà Nguyễn Thị C đều thống nhất thừa nhận, ông X cho bà C vay tổng số tiền 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng chẵn). Ông X cho rằng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ đối với khoản vay trên là 05 năm kể từ ngày 07/7/2019 như trong giấy vay tiền. Bà C không thừa nhận các bên có thỏa thuận về thời hạn trả nợ khoản vay.

Quá trình giải quyết vụ án, bà C cho rằng, khi vay bà và ông X thỏa thuận về lãi xuất khoản vay là 3000đ/1.000.000đ/ ngày nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà đã xin ông X chỉ trả nợ tiền gốc và nợ dần hàng tháng, còn tiền lãi ông X đã cho bà. Kể từ 2020 đến năm 2024, bà đã trả cho ông X 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn). Ông X không thừa nhận đã nhận của bà C khoản tiền nợ gốc nào.

Xét thấy, bà C đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ, tại các tài liệu bà C xuất trình thể hiện bà có ghi chép số tiền hàng tháng đã trả cho ông X nhưng không có chữ ký xác nhận của ông X và ông X không thừa nhận đã nhận các khoản tiền như ghi chép của bà C. Bà C cũng không xuất trình được tài liệu nào khác chứng minh việc đã trả được tiền. Vì vậy, yêu cầu của ông X đề nghị bà C phải trả cho ông X khoản tiền nợ gốc đã vay nói trên là có căn cứ cần được chấp nhận.

Đối với mức lãi suất của khoản vay: Ông X đề nghị bà C phải trả tiền lãi của khoản vay là 1,66%/tháng kể từ năm 2019 cho đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm. Bà C không thừa nhận việc hai bên thỏa thuận về lãi suất vay ghi trong giấy vay mà cho rằng ông X đã ghi thêm phần thời hạn vay và phần lãi suất 2%. Ông X cũng thừa nhận ông đã ghi thêm ở giấy vay tiền phần thời hạn vay và mức và phần lãi suất 2% chứ không phải do bà C viết. Bà C cho rằng hai bên có thỏa thuận về lãi là 3.000đ/1.000.000đ/ ngày nhưng ông X không thừa nhận hai bên thỏa thuận về mức lãi suất như bà C đã trình bày.

Như vậy, cần xác định quá trình hai bên xác lập giấy tờ vay nợ kể từ năm 2019, hai bên đã có thỏa thuận về lãi suất và thực tế có thanh toán trả nợ lãi đối với khoản vay tuy nhiên các bên hiện có tranh chấp về thời hạn vay và mức lãi suất đã thỏa thuận do các bên có quan điểm trình bày khác nhau và đều không thừa nhận mức lãi suất mà bên kia trình bày.

Về nghĩa vụ trả lãi: Tại phiên hòa giải ngày 05/6/2025, ông X chỉ thừa nhận bà C đã trả tiền lãi cho ông X đến hết tháng 12/2020. Tài liệu chứng cứ của bà C xuất trình là bản ghi chép của cá nhân bà C thể hiện bà C đã trả cho ông X hết năm 2024 và 02 tháng năm 2025 nhưng không được ông X xác nhận. Bà C cũng không có tài liệu nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy, buộc bà C phải có nghĩa vụ trả lãi đối với khoản vay kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp.

Do các bên có tranh chấp về lãi suất, căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều a Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cần tính lãi suất đối với khoản vay là $95.000.000đ \times 10\%/năm \times 54$ tháng 29 ngày (kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 29/7/2025) = 43.515.277đ, làm tròn = 43.515.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông X về lãi suất của khoản vay đối với phần vượt quá 10% lãi suất.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông X được chấp nhận, bà C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là $(95.000.000đ + 43.515.000đ) \times 5\% = 6.925.7630đ$, làm tròn thành 6.925.000đ. Ông X lẽ ra phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu lãi suất không được chấp nhận, tuy nhiên ông X đã trên 60 tuổi, tại phiên tòa có đề nghị miễn án phí, vì vậy miễn án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận của ông X.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 465, Điều 466; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 15, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn X yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả khoản nợ vay gốc và một phần lãi phát sinh.

2. Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho ông Dương Văn X số tiền nợ gốc là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi của khoản vay kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 29/7/2025 là 43.515.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng). Tổng cộng là 138.515.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn X yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả phần lãi suất của khoản vay với số tiền là 41.485.000đ (Bốn mươi mốt triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 6.925.000đ (Sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm (đối với yêu cầu không được chấp nhận) cho ông Dương Văn X. Hoàn trả lại cho ông Dương Văn X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000905 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao lập ngày 20/5/2025.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

VKSND tỉnh Phú Thọ

VKSND khu vực 2-Phú Thọ;

- Đường sự;

- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ

(phòng THADS khu vực 2- Phú Thọ);

- Lưu HS

- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thanh Loan

‘